



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phụ Gia Nhựa

Ngày 30/09/2025	5,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	-5.1%	-

DT thuần Q3/25
24.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.40 -15.1%
YoY: ▼28.4 -53.6%

LN thuần Q3/25
1.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.03 608%
YoY: ▲ 0.53 79.7%

LN sau thuế Q3/25
0.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.70 293%
YoY: ▲ 0.59 170%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
7.7%
YoY: +/-▲ 2.4%

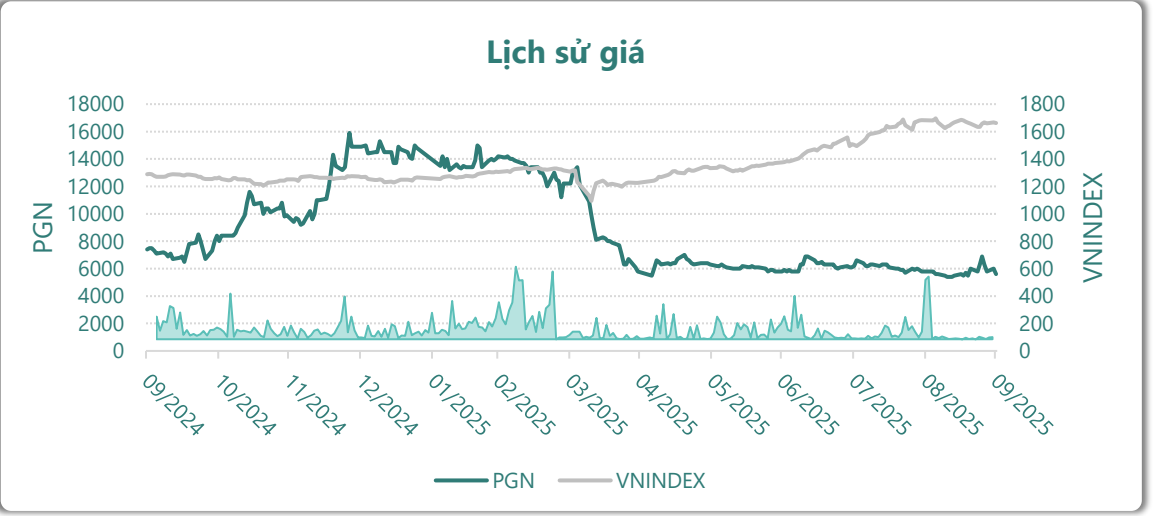
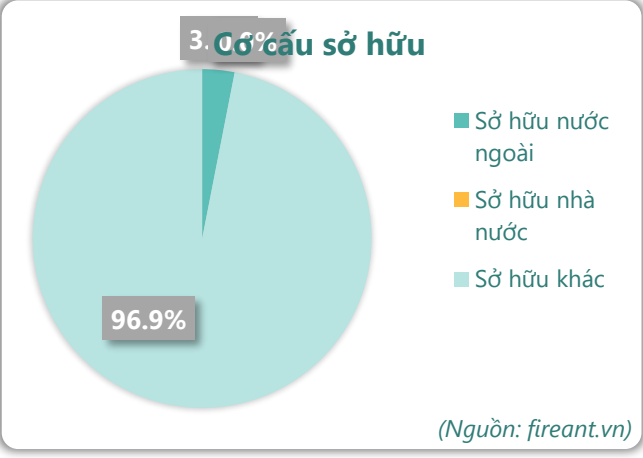
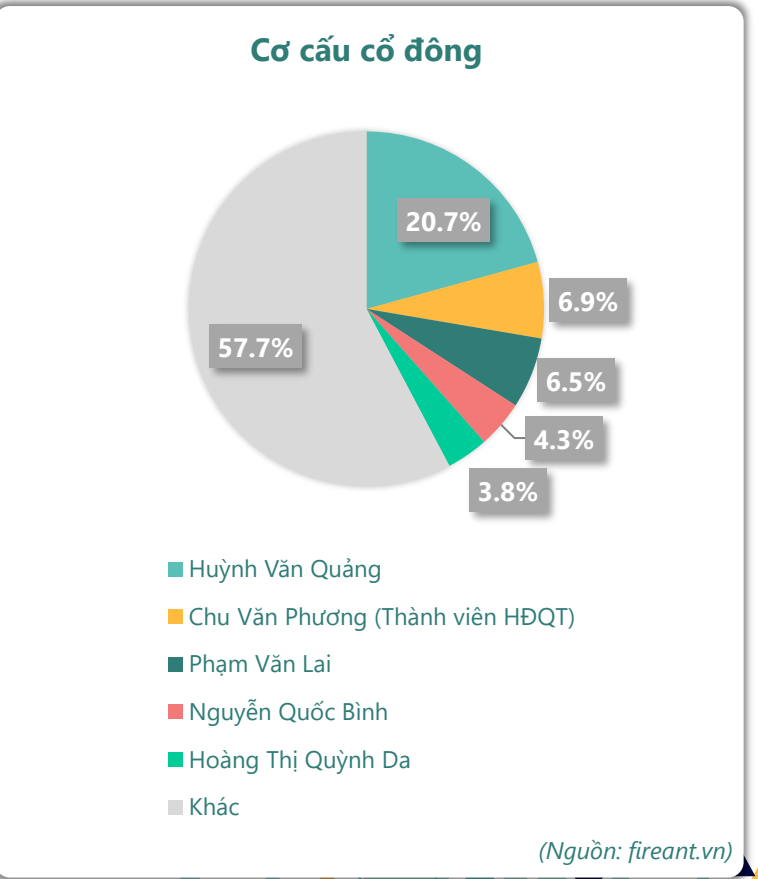
ROE (TTM) Q3/25
-0.5%
YoY: +/-▲ 0.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,400 - 15,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
Số lượng CPLH (CP)	9,464,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)	212,050
Sở hữu nước ngoài	3.1%
Beta	0.19
EPS	-62
P/E	-89.6

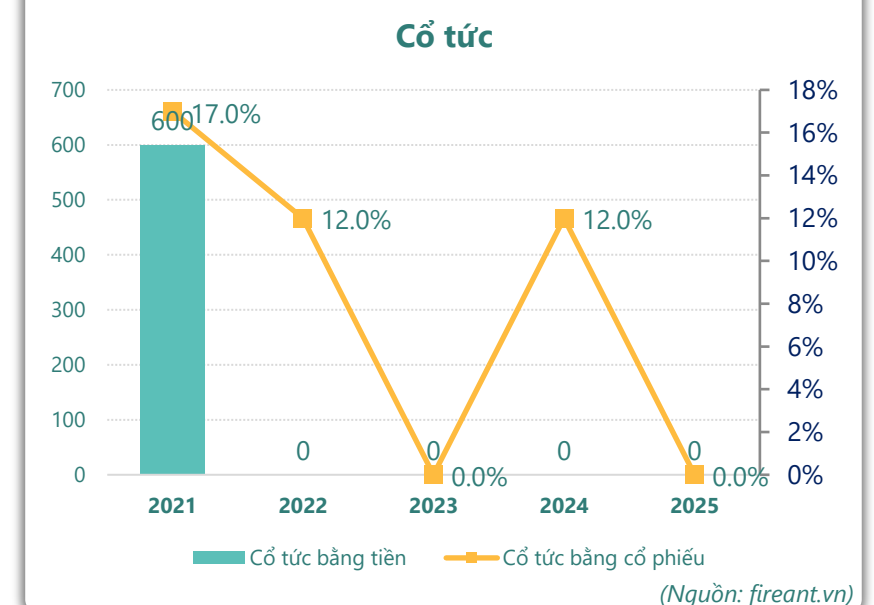
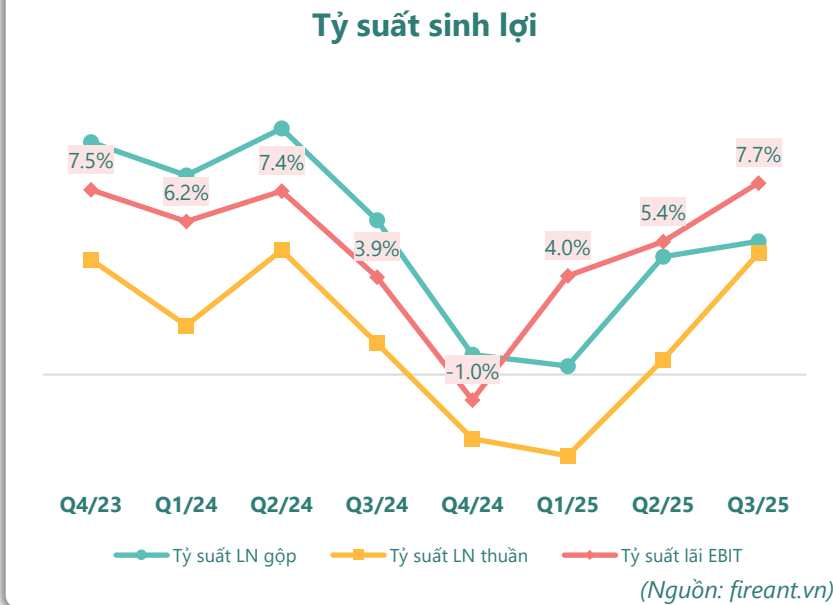
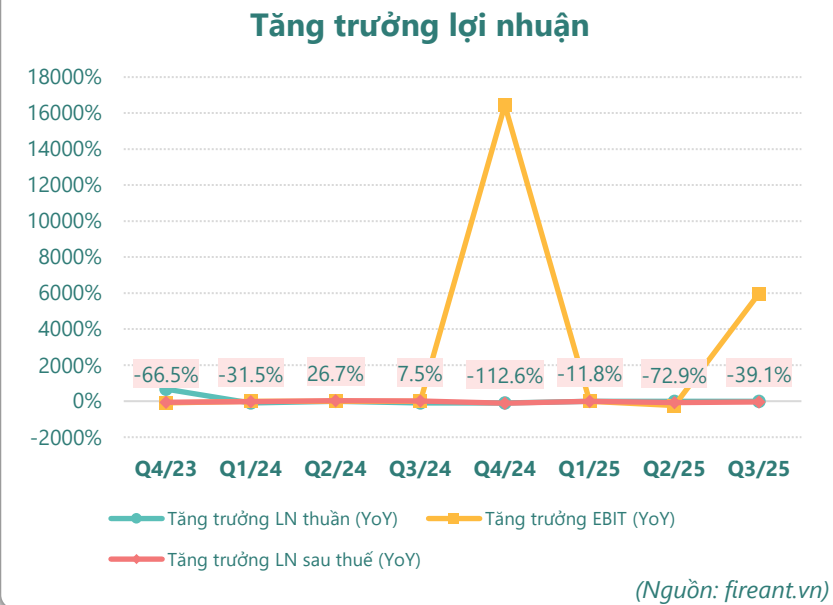
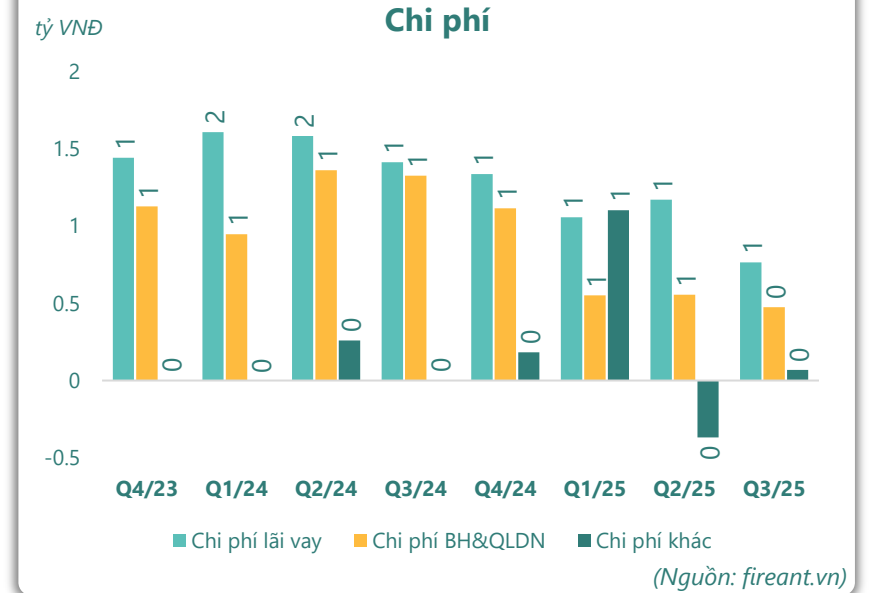
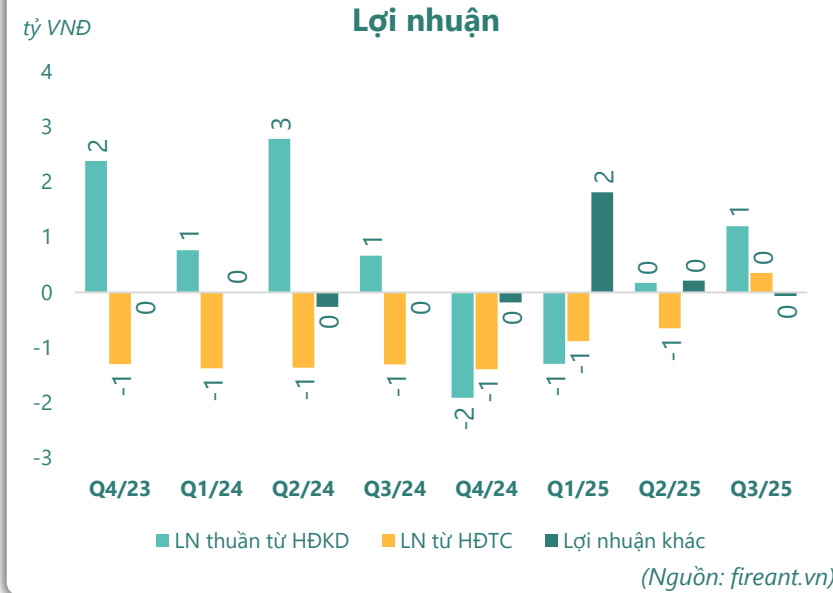
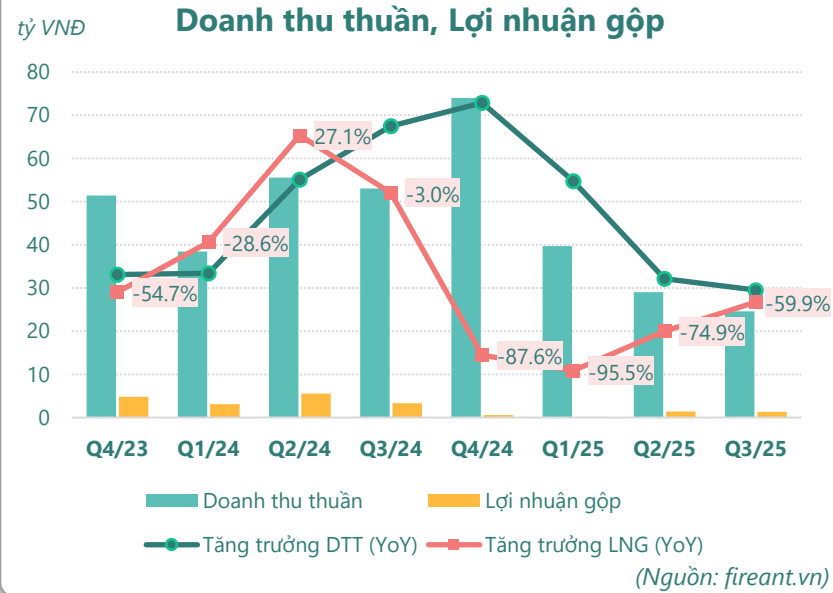
DT thuần 9T 2025
93.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼53.7 -36.5%

LN thuần 9T 2025
0.08
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.14 -98.2%

LN sau thuế 9T 2025
1.44
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.35 -48.3%



KẾT QUẢ KINH DOANH

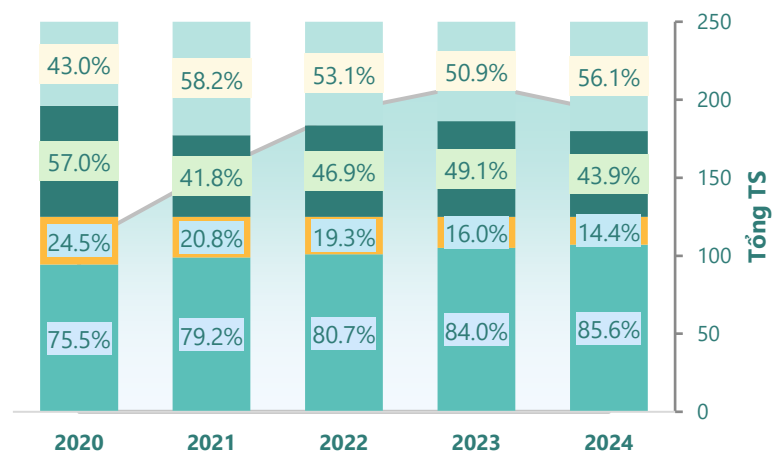




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

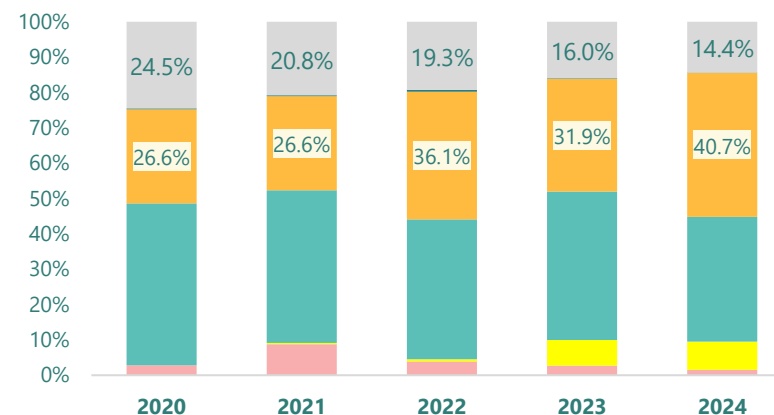
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

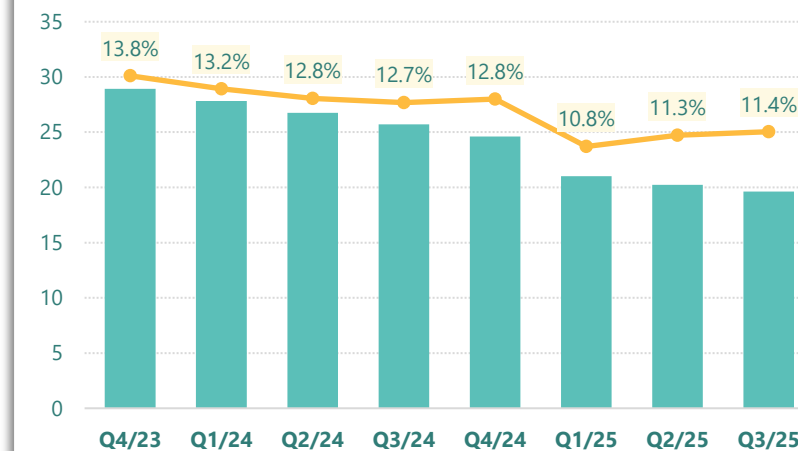


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

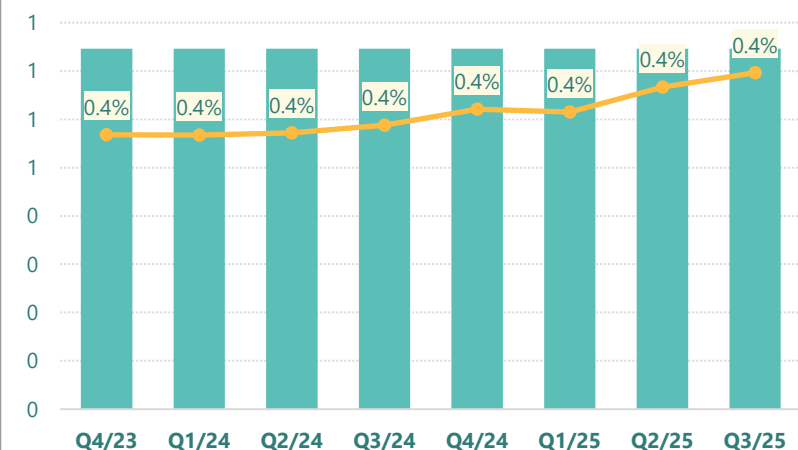


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

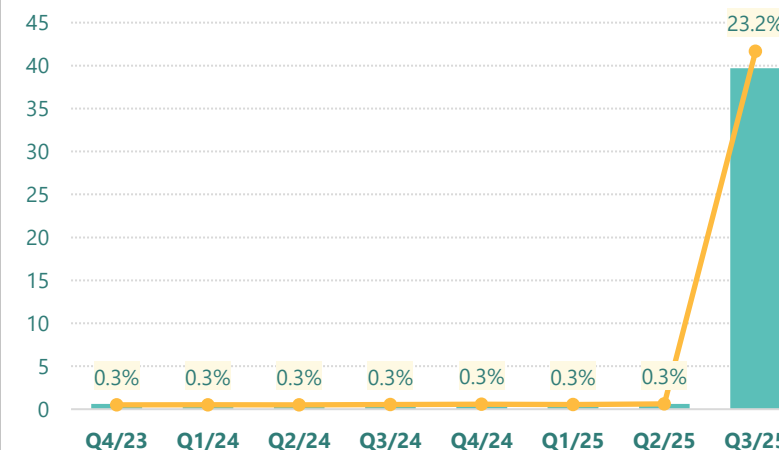


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

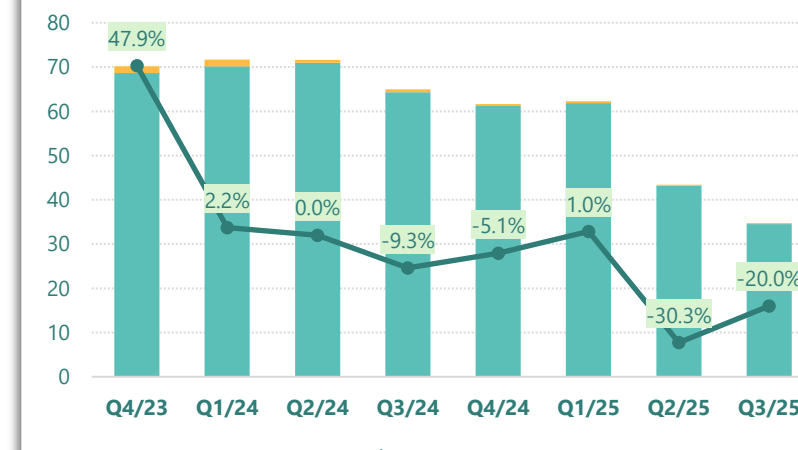


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

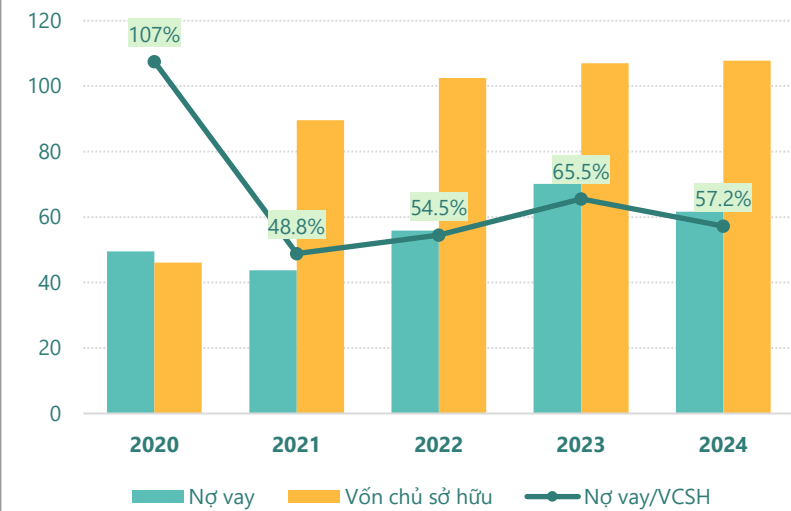
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

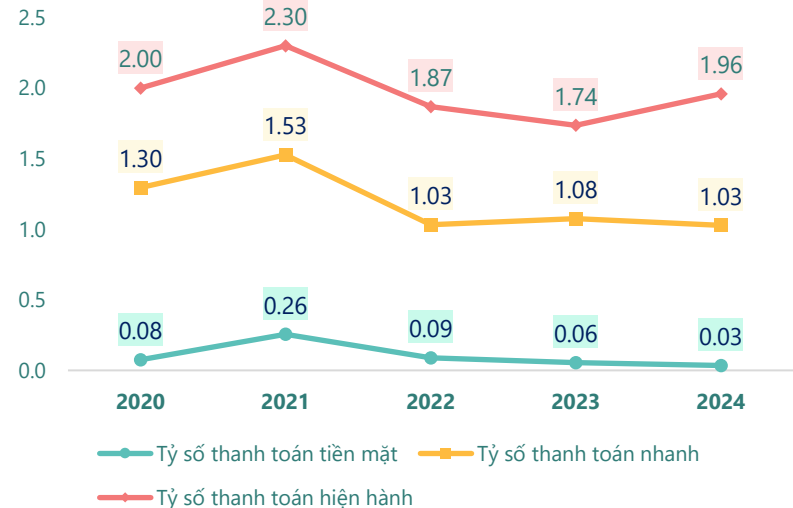
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



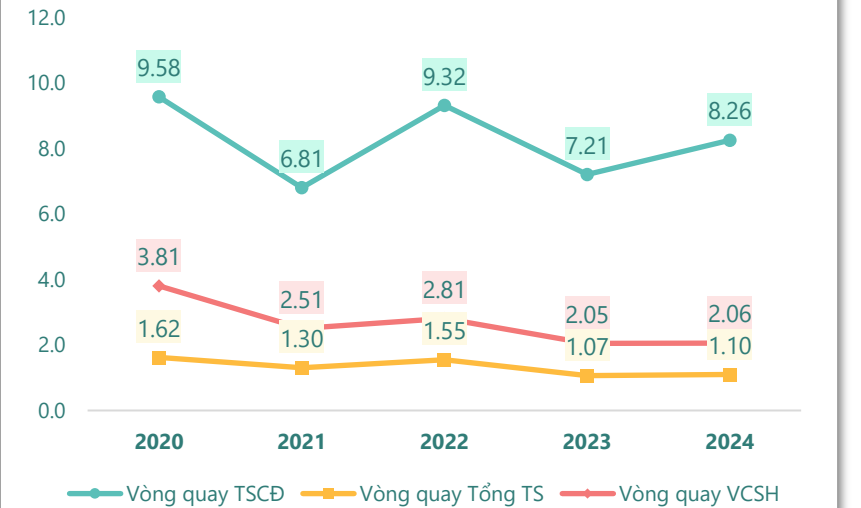
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



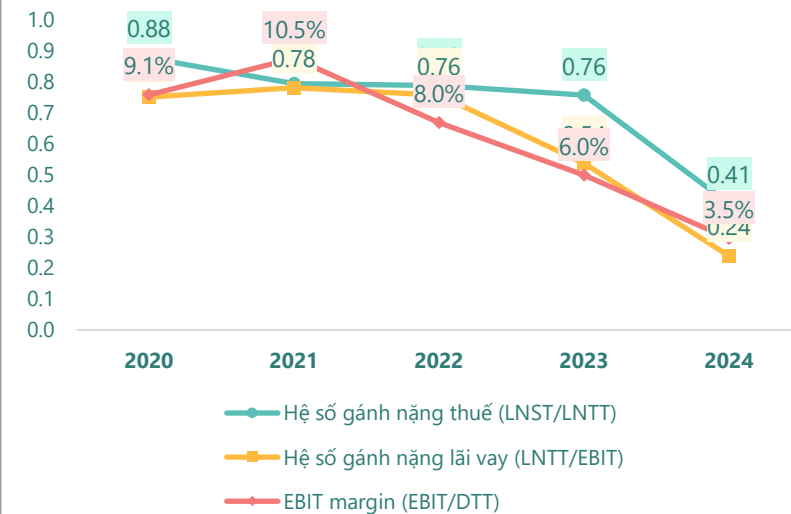
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



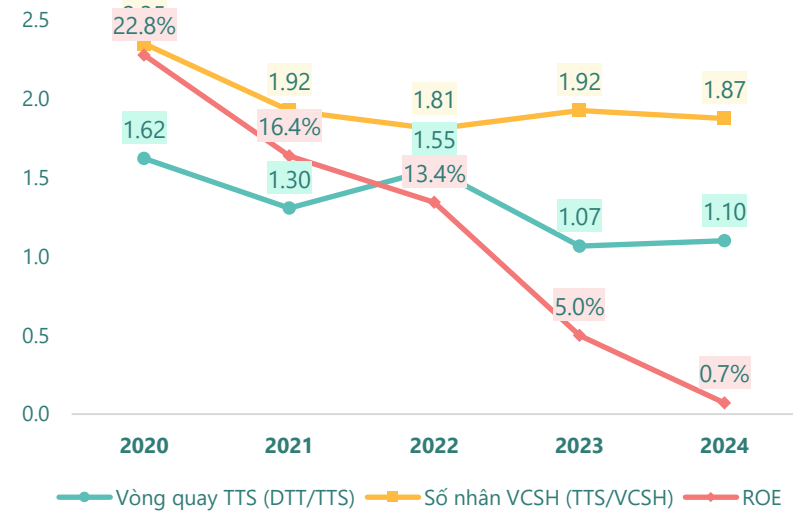
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



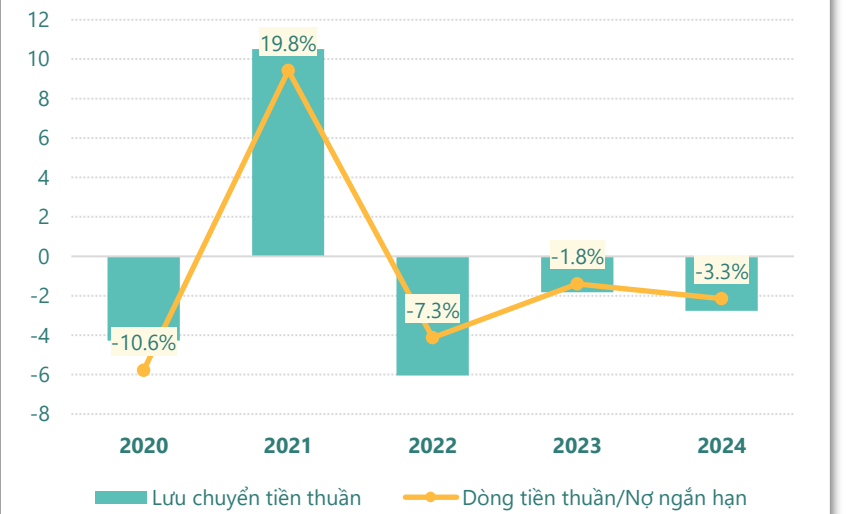
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	24.6	53.0	-53.6%	93.3	147	-36.5%
Giá vốn hàng bán	23.3	49.7	-53.2%	90.5	135	-33.0%
Lợi nhuận gộp	1.32	3.30	-59.9%	2.84	11.9	-76.1%
Doanh thu HĐTC	1.12	0.11	919%	1.81	0.57	220%
Chi phí TC	0.77	1.41	-45.6%	3.00	4.61	-35.1%
Chi phí lãi vay	0.77	1.41	-45.6%	3.00	4.61	-35.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.18	-90.9%	0.02	0.59	-96.0%
Chi phí QLDN	0.46	1.14	-59.8%	1.56	3.05	-48.9%
LN thuần từ HĐKD	1.20	0.67	79.7%	0.08	4.22	-98.2%
Lợi nhuận khác	-0.07	0.00		1.97	-0.26	851%
LN trước thuế	1.14	0.67	69.6%	2.04	3.96	-48.3%
Lợi nhuận sau thuế	0.94	0.35	170%	1.44	2.79	-48.3%
LNST của CĐ cty mẹ	0.94	0.35	170%	1.44	2.79	-48.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.01	1.78	4.13	7.82	53.2	47.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.04	1.94	-0.86	1.28	-46.7	-38.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	-6.65	-3.34	0.63	-18.9	-8.66
Tiền đầu kỳ	8.00	5.92	2.98	2.92	12.6	0.27
Lưu chuyển tiền thuần	-2.08	-2.94	-0.07	9.73	-12.4	0.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.92	2.98	2.92	12.6	0.27	0.88

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	171	192	-10.8%
Tài sản ngắn hạn	110	165	-33.2%
Tiền và tương đương tiền	0.88	2.92	-69.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	15.4	10.7%
Phải thu ngắn hạn	84.0	67.9	23.8%
Hàng tồn kho	7.71	78.2	-90.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	0.18	11.4%
Tài sản dài hạn	61.5	27.7	122%
Phải thu dài hạn	0.25	0.40	-38.6%
Tài sản cố định	19.6	24.6	-20.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.75	0.75	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.7	0.60	6514%
Tài sản dài hạn khác	1.23	1.30	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.2	84.5	-26.4%
Nợ ngắn hạn	62.0	84.0	-26.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.5	61.2	-43.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.7	19.5	31.7%
Nợ dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.18	0.44	-58.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	109	108	1.3%
Vốn chủ sở hữu	109	108	1.3%
Vốn điều lệ	94.6	94.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

